

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn An Hữu và ông Hứa Hoàng Thảo.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Phạm Hải Cảng và ông Trần Quách Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2024/HSST-QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân K, sinh ngày 10/10/1981 tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số E N, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Bội H1; vợ là Trần Thị Hương T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

2. Hà Văn S, sinh ngày 01/01/1963 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ F, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo T; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Hà Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; vợ là Huỳnh Thị P và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

3. Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 10/5/1978 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ F, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo T; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Nguyễn Văn O và bà Huỳnh Thị S1; vợ là Huỳnh Thị Thu T2 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

4. Nguyễn Hoài T3, sinh ngày 24/9/2001 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ F, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công Giáo; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị H2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

5. Lý Thị H3, (còn có tên gọi khác là H4), sinh ngày 30/10/1976 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số D C, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lý Chập L và bà La Thị T4; chồng là Trần Lâm V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

6. Lâm Văn P2, sinh ngày 08/3/1983 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ C, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu dân cư K, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Lâm Gia R và bà Nguyễn Thị S2; vợ là Hà Thị Thúy A và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3: Luật sư Hồ Hoàng P3 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số A, tổ A, đường T, phường M, thành phố L (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị H3: Luật sư Lê Lâm T5 và ông Nguyễn Quốc K1 - Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số A, đường L, phường M, thành phố L (có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân K: Luật sư Đặng Văn K2 - Văn phòng Luật sư Đặng Văn K2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số B, đường N, khóm A, phường M, thành phố L (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Lâm V, sinh năm 1975; trú tại: khóm E, phường C, thành phố C (có mặt).

2. Bà Trần Thị Hương T, sinh năm 1980.; trú tại: khóm E, phường C, thành phố C (có mặt)

3. Ông Lý Kim D1, sinh năm 1973; trú tại: khóm E, phường C, thành phố C (có mặt)

4. Bà Trần Thị Tường V1, sinh năm 1974; trú tại: khóm E, phường C, thành phố C (có mặt)

5. Ông Nguyễn Bảo D2, sinh năm 2000; trú tại: khóm V, phường V, thành phố C (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Hồng P4, sinh năm 1989; trú tại: khóm H, phường V, thành phố C (có mặt)

7. Bà Huỳnh Thị T6, sinh năm 1954; trú tại: khóm T, thị trấn L, huyện A (có mặt).

8. Bà Hà Thị Thúy A, sinh năm 1988; trú tại: khóm T, thị trấn L, huyện A (có mặt).

9. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1994; trú tại: ấp P, xã P, huyện A (có mặt).

Người làm chứng: ông/bà La Thị T4 (có mặt), Trần Văn Đ (vắng mặt), Lê Thị Thu T7 (vắng mặt); Trần Thị Thanh T8 (có mặt), Huỳnh Thị Mai V2 (có mặt), Trần Bảo Tuyết A1 (có mặt), Lý Thị Ngọc Y (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 25/7/2023, Công an tỉnh A kết hợp Đoàn Biên phòng và Chi cục Hải quan cửa khẩu L4 (thuộc địa bàn huyện A, tỉnh An Giang) tuần tra kiểm soát tuyến biên giới. Theo đó, phát hiện xuồng gỗ có gắn máy do Nguyễn Tấn P1 điều khiển trên sông B (dòng sông chung giữa biên giới Việt Nam - Campuchia) hướng từ Campuchia về Việt Nam (thuộc khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang) có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới nên ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra. Lúc này, P1 nhảy xuống sông bỏ trốn, bỏ lại xuồng gỗ, trên xuồng có một bao nilon màu đen bên trong chứa 10 gói được quấn băng keo màu vàng, gồm: 01 gói hình hộp chữ nhật quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “076 L+D+B+M”; 01 gói hình hộp chữ nhật quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “076”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “K2 13”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “15x4=60 Kim Yen 2”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “K Yên 2 11”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “9970 7912 18K 16L ②”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “K2 10L”; 02 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “484”; 01 gói quấn băng keo màu vàng xung quanh, có ký tự “20x4=80 Kim Yen 3”, kiểm tra bên trong các gói này có nhiều trang sức kim loại nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản tạm giữ phương tiện và niêm phong tang vật để xử lý.

Ngày 25/7/2023, Hà Văn S, Nguyễn Hoài T3, Lâm Văn P2 đến Công an tự thú và ngày 26/7/2023 Nguyễn Tấn P1 đến Công an đầu thú, cùng khai nhận tham gia vận chuyển trái phép số trang sức bằng vàng nêu trên từ Campuchia về Việt Nam để giao cho Nguyễn Xuân K (chủ tiệm V5) và Lý Thị H3 (chủ tiệm V5) hưởng tiền công. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc đối với Lý Thị H3, Nguyễn Xuân K, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Huỳnh Thị T6 thu giữ trên 14 kg vàng (trong đó có nhiều cục kim loại vàng trọng lượng khoảng 1,2085kg và vàng nữ trang trọng lượng khoảng 13,325kg), nhiều đồ vật, tài liệu, tài sản có liên quan gồm: 08 điện thoại di động, 01 cái Ipad, 01 xe mô tô Lead màu nâu xám biển số 67G1 – 801.48, tiền Việt

Nam 29.745.000 đồng, 01 hộp giấy có ký hiệu “484” và nhiều bao nilon đen, bao giấy có ghi ký hiệu “484”, “076” tại tiệm V6; 02 hộp nhựa có ghi ký hiệu “12^L484” và “13^L484” tại tiệm V5 Trà của K.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 02/2023 đến ngày 25/7/2023, Nguyễn Xuân K (chủ tiệm V5) và Lý Thị H3 (chủ tiệm V5) được người tên L1 và S3 (chưa rõ lai lịch, sống tại Campuchia) đến gặp thỏa thuận sẽ đưa vàng nữ trang đã qua sử dụng từ Campuchia cho K và H3 gia công thành vàng nữ trang mới, với tiền công từ 70.000 đến 130.000 đồng/lượng. Việc giao nhận vàng nguyên liệu và vàng thành phẩm do K và H3 liên hệ thuê nhóm Hà Văn S thực hiện bằng cách: S nhận vàng nguyên liệu (vàng nữ trang cũ hoặc vàng thỏi) từ người tên K3 tại Campuchia rồi vận chuyển về Việt Nam giao cho K và H3; Sau khi gia công xong thì K và H3 sẽ liên hệ để giao vàng nữ trang thành phẩm cho S vận chuyển sang Campuchia giao cho L1 và S3; khi S vận chuyển vàng từ Campuchia về Việt Nam sẽ do L1 và S3 trả tiền công, còn khi vận chuyển vàng từ Việt Nam sang Campuchia sẽ do K và H3 trả tiền công mỗi lần vận chuyển là 10.000 đồng/lượng.

Theo đó, S kêu P1, T3 và P2 cùng tham gia vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam -Campuchia, với cách thức như sau: Khi được K, H3 liên hệ thì S kêu T3 và P2 đến các tiệm vàng Kim Yến H5, Kim Yến T9 để nhận vàng mang về tập kết tại tiệm V6 (địa chỉ tổ C, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang) do K thuê lại của Huỳnh Thị T6; tại đây, S sẽ phân vàng vào bao nilon rồi kêu P1 điều khiển xuống máy vận chuyển vàng qua Campuchia giao cho K3. Khi được liên hệ nhận vàng từ Campuchia thì S kêu P1 điều khiển xuống máy đến gặp K3 nhận vàng mang về tiệm V6 để S phân loại và T3, P2 đem vàng đi giao cho các tiệm vàng, nếu gói vàng có ký hiệu “1, K1, K, 076” thì giao cho tiệm V5 của H5; gói vàng có ký hiệu “2, 484, K, K2” thì giao cho tiệm V5 Trà của K; gói vàng có ký hiệu “3, K, K3” thì giao cho tiệm V5. Khi P1 vận chuyển vàng qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia thì S và T3 sẽ còn có nhiệm vụ canh đường, nếu phát hiện có lực lượng chức năng sẽ thông báo cho P1 biết.

Trưa ngày 25/7/2023, K và H5 kêu S đến nhận vàng đã gia công thành phẩm để vận chuyển sang Campuchia, S kêu P2 đến tiệm V5 Trà của K gặp D2 nhận khoảng 220 lượng vàng thành phẩm (trong đó có 170 lượng vàng 18kara 59%, 50 lượng là hột đính đá không có giá trị) và 2.200.000 đồng tiền công; T3 đến tiệm V5 để gặp H5 nhận 110 lượng vàng thành phẩm (trong đó có 67 lượng vàng 18kara 59%, 43 lượng là hột đính đá không có giá trị) và 1.100.000 đồng tiền công vận chuyển. Sau khi T3 và P2 đem vàng về tiệm V6, S cùng T3 để vàng vào bao nilon màu trắng rồi giao cho P1 dùng xuống máy vận chuyển sang Campuchia giao cho K3. Đến chiều tối cùng ngày, S kêu P1 sang Campuchia nhận vàng, P1 điều khiển xuống máy sang Campuchia gặp K3 nhận 01 bao nylon màu đen bên trong chứa vàng rồi vận chuyển qua sông B về đến bờ Việt Nam thì bị lực lượng Công an phát hiện buộc dừng phương tiện kiểm tra, sợ bị bắt nên P1 đã nhảy xuống sông bỏ trốn như nội dung đã nêu trên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 5069/KL-KTHS ngày 03/8/2023 và 07/9/2023 của Phân Viện khoa học Kỹ thuật Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Các kim loại màu vàng gửi đi giám định có thành phần chủ yếu là V2 (Au).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 09.08/KL.HĐĐGTS ngày 11/8/2023; số 09.15/KL.HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh An Giang, kết luận số vàng thu giữ trên xuồng gỗ ngày 25/7/2023 niêm phong trong thùng số 1 có giá trị như sau:

Gói 1: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng (nhiều mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng 470,58 gam, khối lượng đá gắn trên sản phẩm nữ trang là 17,3411 gam. Tổng khối lượng sau khi trừ đá: 453,2389 gam (470,58 gam - 17,3411 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,61%. Trị giá: 411.383.798 đồng.

Gói 2: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 23,95%; tổng khối lượng: 290,95 gam, quy đổi thành: 7,759 lượng vàng. Trị giá: 106.818.153 đồng.

Gói 3: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 2067,42 gam, tổng khối lượng đá gắn trên sản phẩm nữ trang là 20,9775 gam. Tổng khối lượng sau khi trừ đá: 2046,4425 gam (2067,42 gam - 20,9775gam), có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 23,90%. Trị giá: 749.721.516 đồng.

Gói 4: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 605,21 gam, tổng khối lượng đá gắn trên sản phẩm nữ trang là 5,9475 gam. Tổng khối lượng sau khi trừ đá: 599,2625 gam (605,21 gam - 5,9475 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 58,96%. Trị giá: 529.115.275 đồng.

Gói 5: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 572,98 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,01%. Trị giá: 514.918.876 đồng.

Gói 6: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 506,39 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 98,33%. Trị giá: 745.670.364 đồng.

Gói 7: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 776,91 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,52%. Trị giá: 692.483.384 đồng.

Gói 8: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 606,56 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,38%. Trị giá: 539.373.597 đồng.

Gói 9: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 426,26 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 61,57%. Trị giá: 393.024.349 đồng.

Gói 10: 01 (một) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,62%; tổng khối lượng: 1000,00 gam, quy đổi thành: 26,667 lượng vàng. Trị giá: 1.482.871.869 đồng.

Gói 11: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 2379,47 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,67%. Trị giá: 2.126.238.582 đồng.

Gói 12: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 1416,33 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,04%. Trị giá: 1.252.236.983 đồng.

Gói 13: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng - nâu, tổng khối lượng: 2238,76 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,78%. Trị giá: 2.004.191.299 đồng.

Gói 14: 03 (ba) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,77%; tổng khối lượng: 3000,02 gam, quy đổi thành: 80,00 lượng vàng. Trị giá: 4.456.400.000 đồng.

Gói 15: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 378,20 gam, khối lượng đá gắn trên sản phẩm nữ trang là 14,7038 gam. Tổng khối lượng sau khi trừ đá: 363,4962 gam (378,20 gam - 14,7038 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 62,17%. Trị giá: 338.420.346 đồng.

Tổng số vàng có giá trị: 16.342.868.391 đồng, trong đó:

- Vàng vận chuyển về giao cho Nguyễn Xuân K có 10 gói (gói số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 08, 09, 13, 14) để trong thùng số 1, tổng trọng lượng là 10,7851 kg, có giá trị là 10.450.617.227 đồng.

- Vàng giao cho Lý Thị H3 có 04 gói (gói số 10, 11, 12, 15) trong thùng số 1, tổng trọng lượng là 5,174 kg, có giá trị là 5.199.767.780 đồng

- Vàng kí hiệu Kim Yến 3 có 01 gói (gói số 07 trong thùng số 1), tổng trọng lượng là 0,7769 kg, có giá trị: 692.483.384 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03.06/KL.HĐĐGTS, ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh An Giang, kết luận:

- 170 lượng vàng có độ tuổi (hàm lượng vàng) 59%, trị giá: 5.632.587.220 đồng.

- 67 lượng vàng có độ tuổi (hàm lượng vàng) 59%, trị giá: 2.219.902.022 đồng.

Tổng cộng: 7.852.489.242 đồng.

Trần Văn B, Trần Văn V3, S, Trương Thanh H6 Tại Cáo trạng số: 34/CT-VKSAG-P1 ngày 04/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Nguyễn Xuân K, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3, Lý Thị H3, Lâm Văn P2 về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo quy định tại

khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo K, S, P1, T3, H3, P2 cùng khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lý Kim D1 (Én) và bà Trần Thị Tường V1 (P3) cùng khai: Kinh doanh tiệm V5 từ tháng 01/2020 đến nay. Hàng ngày chỉ mua bán, trao đổi vàng với khách hàng tại thành phố C. Tiệm V5 không có tên gọi nào khác, từ trước đến nay không có thuê S vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia. Số vàng bị phát hiện bắt quả tang ngày 25/7/2023, có ký hiệu “Kim Yen 3”, trọng lượng khoảng 0,785kg không phải của tiệm V5.

- Ông Trần Lâm V (chồng bị cáo Lý Thị H3) và Trần Thị Hương T (vợ của bị cáo Nguyễn Xuân K) cùng khai: Việc kinh doanh vàng, quản lý tiền bạc là do H3 và K thực hiện; không biết việc H3, K thuê S và những người khác vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia.

- Bà Nguyễn Thị Hồng P4 trình bày: P4 là nhân viên làm thuê cho Nguyễn Xuân K tại tiệm V5. Vào ngày 25/7/2023, P4 được K kêu lấy 04 hộp đựng vàng và số tiền 2.200.000 đồng để vào bọc nilon màu đen, do P4 bận việc nên nhờ D2 giao cho P2. Trước đó, P4 đã nhiều lần giao vàng nữ trang đã gia công cho P2 theo yêu cầu của K, mỗi lần vàng được để trong hộp giấy quân bằng keo màu vàng, có ghi ký hiệu “484”, trọng lượng khoảng 05-06kg, không biết P2 vận chuyển vàng đem qua Campuchia.

- Bà Huỳnh Thị T6 cho biết: Từ năm 2020 có cho K thuê tiệm V6 để mua bán vàng. Ngày 25/7/2023, T6 đến bãi đậu xe tải của con để trông chừng việc thu tiền bến bãi, không biết việc S, T3 vào tiệm vàng Ngọc T10 phân chia vàng và vận chuyển qua Campuchia. Từ trước đến nay không tham gia việc vận chuyển vàng cùng với S. Yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 67G1 - 801.48.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo cùng phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

- Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K từ 06 năm đến 07 năm tù; phạt bổ sung từ 30.000.000 - 50.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn S từ 06 năm đến 07 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P1 từ 05 năm đến 06 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T3 từ 04 năm đến 05 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lý Thị H3, mức phạt 3.000.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn P2 từ 03 năm đến 04 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Áp dụng các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy*: 17 thùng giấy catton có ghi ký hiệu “484”; 09 thùng giấy catton có ghi ký hiệu “076”; 05 thùng giấy catton không ghi ký hiệu; 197 bọc quay sách màu đen; 02 thùng giấy catton có ký hiệu “484”.

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước*:

+ Một thùng giấy catton màu trắng xanh bên ngoài có ký hiệu 484, bên trong có 03 hộp nhựa và bọc nylon màu vàng được hàn kín bằng keo màu vàng bên trong có chứa nhiều kim loại màu vàng, gồm:

+ Gói 1: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng (nhiều mẫu trang sức có đính đá), tổng khối lượng: 470,30 gam; được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,61%.

+ Gói 2: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng cả bao bì là 290,78 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 23,95%.

+ Gói 3: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 2067,30 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 23,90%.

+ Gói 4: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 605,14 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 58,96%.

+ Gói 5: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 572,68 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,01%

+ Gói 6: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 505,83 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 98,33%.

+ Gói 7: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 776,62 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,52%.

+ Gói 8: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 606,12 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,38%.

+ Gói 9: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 425,85 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 61,57%.

+ Gói 10: 01 (một) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, tổng khối lượng: 1000,01 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,62%.

+ Gói 11: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 2379,05 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,67%.

+ Gói 12: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 1416,04 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,04%.

+ Gói 13: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 2238,51 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,78%.

+ Gói 14: 03 (ba) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, tổng khối lượng: 3000,03 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,77%.

+ Gói 15: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 378,01 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 62,17%.

+ 01 xuống gỗ dài 7,46m, rộng nhất 1,05m, hẹp nhất mũi xuống 0,18m, khoang sâu nhất trên xuống 0,365m, phía sau xuống có động cơ máy màu đỏ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 150, có số IMEI 1: 350085531110747 và số IMEI 2: 350085531610746 (Nguyễn Tấn P1).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 8800e, có số IMEI: 358645016848483 (H).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: N1 110 4G, có số IMEI 1: 359097702190169 và số IMEI 2: 359097702690168 (Nguyễn Xuân K).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13 Pro, có số IMEI 1: 355786372921853 và số IMEI 2: 355786372577473 (Lý Thị H3).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone Xs Max, có số IMEI 1: 357276090936696 và số IMEI 2: 357276091210042 (Nguyễn Hoài T3).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future neo FI, biển số: 67G1-541.42, số máy: JC45E0003866, số khung: RLHJC35059Y616524 (Nguyễn Hoài T3).

- *Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính:* Nguyễn Xuân K 80.000.000 đồng, Lý Thị H3 25.000.000 đồng, Hà Văn S 3.500.000 đồng, Nguyễn Tấn P1 3.500.000 đồng, Nguyễn Hoài T3 3.500.000 đồng và Lâm Văn P2 2.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền sau đây để đảm bảo cho việc thi hành án:

+ Tiền Việt Nam: 126.145.000 đồng (thu giữ khi khám xét 26.145.000 đồng và Nguyễn Xuân K tự nguyện nộp 100.000.000 đồng).

+ Tiền Việt Nam: 7.100.000 đồng (thu giữ khi khám xét 3.600.000 đồng và Nguyễn Tấn P1 tự nguyện nộp 3.500.000 đồng).

+ Tiền Việt Nam: 3.100.000.000 đồng do Lý Thị H3 tự nguyện nộp.

+ Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng do Hà Văn S tự nguyện nộp.

+ Tiền Việt Nam: 4.500.000 đồng do Nguyễn Hoài T3 tự nguyện nộp.

+ Tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng, do Lâm Văn P2 tự nguyện nộp.

- *Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân K:*

+ Gói 1: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1325,41 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,54%.

+ Gói 2: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1495,48 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 22,96%.

+ Gói 3: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1421,32 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,34%.

+ Gói 4: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1500,49 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 23,63%.

+ Gói 5: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1400,52 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,48%.

+ Gói 6: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 953,91 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm

lượng trung bình 24,42%

+ Gói 7: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1116,02 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 23,85%

+ Gói 8: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 554,31 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 24,84%

+ Gói 9: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 58,12 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 27,31%

+ Gói 10: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 65,05 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 22,59%

+ Gói 11: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 216,55 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,78%

+ Gói 12: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 771,81 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 26,89%

+ Gói 13: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1046,27 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 20,91%

+ Gói 14: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 210,28 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 21,69%

+ Gói 15: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 473,29 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 24,22%

+ Gói 16: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 712,32 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 26,74%

+ 01 đầu ghi hình camera không rõ nhãn hiệu, có số sêri: 100/240VNH16GK1850002.

+ 01 thiết bị Switches nhãn hiệu HRUI, có số sêri: 056432005050032.

+ 01 bộ hồ sơ liên quan hoạt động kinh doanh tiệm V6.

+ 01 thùng CPU máy tính nhãn hiệu TNI.

+ 01 thùng CPU máy tính nhãn hiệu VSP.

+ 01 thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ 01 thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu MD, model: TSAHR-16590, số sêri: AH16590160100075.

+ 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu MD, model: TSAHR-16590, số sêri: TSAHR16590151200012.

+ 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu model: TSYDS-36KC, số sêri: 100/240VPH36HF1980004.

- *Trả lại bị cáo Lý Thị H3:*

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 14 Pro Max, có số IMEI 1: 351344354483684 và số IMEI 2: 351344356563616.

+ 01 máy tính bảng Ipad, hiện trạng thiết bị không mở nguồn được, không kiểm tra được số IMEI.

+ 01 thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ Nhiều cục kim loại màu xám đen, tổng khối lượng: 993,90 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 60,47%.

+ Nhiều cục kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 212,25 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 98,22%.

- *Trả lại bị cáo Hà Văn S:*

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc, có số IMEI: 355372084183791, hiện trạng thiết bị không mở nguồn được.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 11 Pro Max, có số IMEI 1: 353889101779758 và số IMEI 2: 353889101770567.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13, có số IMEI 1: 354922764908940 và số IMEI 2: 354922763379259.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 8 Plus màu đỏ, có số IMEI: 352978099004435.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 105, có số IMEI: 354275381318310.

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số hiệu LEAD, màu xám, biển số 67G1-801.48, số máy JK12E0215342, số khung RLHJK1218NZ002964, đã qua sử dụng.

- *Trả lại bị cáo Nguyễn Hoài T3:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13 Pro Max, có số IMEI 1: 359984544850375 và số IMEI 2: 359984544841317.

- *Trả lại bị cáo Lâm Văn P2:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 11 Pro Max, có số IMEI 1: 353950101141298 và số IMEI 2: 353950101261385.

- *Trả lại bà Huỳnh Thị T6:*

+ 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu Dahua, có số sêri: 8C0375CPAZ4BF26.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 3310, có số IMEI 1: 357329084294984 và số IMEI 2: 357329086294982.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 230, có số IMEI 1: 357322082531135 và số IMEI 2: 357322084531133.

+ 05 quyển tập học sinh; 05 tờ lịch; 05 tờ giấy ghi tiền nợ và hoạt động kinh doanh tiệm V6.

- *Trả lại Trần Lâm V:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 14 Pro, có số IMEI 1: 351942130629254 và số IMEI 2: 351942131027904.

- *Trả lại Nguyễn Hoàng K4:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: N1 105 4G, có số IMEI 1: 357332565019680 và số IMEI 2: 357332565519689.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1 và Nguyễn Hoài T3 có quan điểm: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo S, T3, P1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho hoàn cảnh của từng bị cáo để giảm nhẹ hình phạt; đặc biệt đối với bị cáo T3 phải sống với ông bà, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân K có quan điểm: Thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân tỉnh An Giang về tội danh đối với bị cáo K. Tuy nhiên, đề nghị xem xét bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời bản thân là chủ tiệm vàng đã tích cực đóng góp an sinh xã hội từ thiện tại địa phương, được chính quyền địa phương ghi nhận, biểu dương nên có thể xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của hình phạt Viện kiểm sát đề nghị hoặc có thể xem xét xử phạt bị cáo hình phạt tiền.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị H3: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H3. Tuy nhiên, đề nghị xem xét bị cáo H3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là phụ nữ lao động chính trong gia đình; đồng thời bản thân đã tích cực đóng góp an sinh xã hội từ thiện tại địa phương, được chính quyền địa phương ghi nhận, biểu dương, đã bị tạm giam gần một năm đủ để thấy được sai lầm của bản thân, ăn năn, hối cải; bị cáo có đủ khả năng về kinh tế và thực tế đã nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 3.100.000.000đ nên thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đề nghị xem xét xử phạt bị cáo hình phạt tiền nhưng chỉ ở mức phạt từ 2.000.000.000đ đến 2.500.000.000đ.

Trong phát biểu đối đáp, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Các Luật sư đều thống nhất với luận tội, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt; tuy nhiên các Luật sư cũng chỉ nêu lại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bản luận tội. Do đó, vẫn giữ nguyên quan điểm như bản luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo S, P1, T3, H3, K, P2 thành khẩn nhận tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa một số người có liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến khoảng 19 giờ ngày 25/7/2023, các bị cáo Nguyễn Xuân K, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3 và Lý Thị H3 đã 02 lần có hành vi vận chuyển vàng trái phép qua biên giới Vương quốc Campuchia - Việt Nam và ngược lại. Vào ngày 25/7/2023, bị cáo Lâm Văn P2 đã có hành vi giúp sức cho Nguyễn Xuân K và Hà Văn S vận chuyển vàng trái phép từ Việt Nam sang V Campuchia. Hành vi cụ thể như sau:

- Nguyễn Xuân K có hành vi vận chuyển tổng số lượng vàng từ Campuchia về Việt Nam đã thu giữ là 10,7851kg và 170 lượng vàng, vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia giao cho đối tượng L1, tổng trị giá là 16.083.204.447 đồng.

- Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3 có hành vi vận chuyển trực tiếp vàng trái phép qua lại biên giới Vương quốc Campuchia và Việt Nam, với khối lượng vàng vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam đã thu giữ là 16,736kg và 237 lượng vàng vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia, tổng trị giá là 24.195.357.633 đồng.

- Lý Thị H3 có hành vi vận chuyển tổng số lượng vàng từ Campuchia về Việt Nam đã thu giữ là 5,174kg và 67 lượng vàng, vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia giao cho đối tượng S3, tổng trị giá là 7.419.669.802 đồng.

- Lâm Văn P2 có hành vi giúp sức cho K và S vận chuyển vàng trái phép từ Việt Nam sang vương quốc Campuchia vào ngày 25/7/2023, với khối lượng vàng là 170 lượng vàng, trị giá 5.632.587.220 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Xuân K, Lý Thị H3, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3 và Lâm Văn P2 đã phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt được quy định là phạt tiền từ 1.000.000.000đ đến 3.000.000.000đ hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là vận chuyển trái phép vàng qua biên giới và ngược lại với giá trị vật phạm pháp trên 500 triệu đồng. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi của từng bị cáo trong vụ án có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau; do đó cần phân hóa hành vi của từng bị cáo để khi lượng hình có mức án phù hợp nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo, phát huy tác dụng răn đe và phòng ngừa chung; đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Cụ thể:

Đối với các bị cáo Nguyễn Xuân K, Lý Thị H3, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3 đã có hành vi 02 lần vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Vương quốc Campuchia - Việt Nam và ngược lại; trong đó:

- Nguyễn Xuân K phải chịu trách nhiệm với tổng số lượng vàng vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam và ngược lại đã thu giữ là 10,7851kg và 170 lượng vàng vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia giao cho L1, với tổng trị giá là 16.083.204.447 đồng.

- Lý Thị H3 phải chịu trách nhiệm với tổng số lượng vàng vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam và ngược lại đã thu giữ là 5,174kg và 67 lượng vàng vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia giao cho S3, với tổng trị giá là 7.419.669.802 đồng.

- Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3 là những người trực tiếp vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Vương quốc Campuchia và Việt Nam và ngược lại, phải chịu trách nhiệm với khối lượng vàng vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam đã thu giữ là 16,736kg và 237 lượng vàng vận chuyển từ Việt Nam qua Campuchia với tổng trị giá là 24.195.357.633 đồng.

- Lâm Văn P2 với vai trò thực hành, giúp sức tham gia vận chuyển vàng trái phép từ Việt Nam sang vương quốc Campuchia vào ngày 25/7/2023, với khối lượng vàng phải chịu trách nhiệm là 170 lượng vàng, trị giá 5.632.587.220 đồng. Tuy nhiên, bị cáo P2 chỉ tham gia ở công đoạn phạm vi nội địa, nhận vàng từ C vận chuyển đến huyện A, chưa qua biên giới, giữ vai trò không đáng kể trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo K, H3, S, P1, T3 thực hiện tội phạm nhiều lần nên phải chịu tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo S, T3 ngoài thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội bị lực lượng chức năng phát hiện, trong quá trình điều tra cũng đã tự khai báo về hành vi thực hiện trước đó (vận chuyển vàng từ Việt Nam sang Campuchia sau khi gia công) nên được xem là tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K, S, P1, T3, H3, P2 đã thành khẩn khai báo, thể hiện rõ ăn năn, hối cải; trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu bị Tòa án đưa ra xét xử nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo K, là người có vai trò chính đối với chủ tiệm vàng, trực tiếp thuê người vận chuyển vàng với số lượng lớn trong vụ án, còn bị cáo H3 là đồng phạm có vai trò thấp hơn so với bị cáo K. Trong các bị cáo vận chuyển vàng trái phép thì bị cáo S là người giữ vai trò chính của vụ án, trực tiếp chỉ huy phân công và điều hành hoạt động vận chuyển vàng trái phép, các bị cáo P1, T3 là những đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi vận chuyển vàng trái phép qua biên giới và ngược lại. Do đó, cần quyết định hình phạt tù đối với các bị cáo K và S cao hơn so với các bị cáo đồng phạm, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để xử phạt tù cách ly các bị cáo K, S, P1 và T3 ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo T3, do có vai trò thấp hơn so với các bị cáo K, S và P1, mặt khác điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo thuộc diện khó khăn nên cần chấp nhận đề nghị của người bào chữa để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với Lý Thị H3: bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng, nhưng được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều đóng góp an sinh xã hội từ thiện được chính quyền địa phương ghi nhận và tặng giấy khen; bị cáo là phụ nữ duy nhất trong vụ án có 02 chị em trong cùng một gia đình; vai trò tham gia trong vụ án là đồng phạm, trị giá vật phạm pháp bị quy kết thấp hơn so với các bị cáo K, S, P1 và T3. Mặt khác, tính đến thời điểm xét xử bị cáo đã bị tạm giam gần 11 tháng, đây cũng là khoảng thời gian đủ nghiêm khắc để bị cáo tự cải tạo lỗi lầm

trở thành công dân có ích cho xã hội; tại phiên tòa xác định bị cáo có tài sản, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng thực hiện đầy đủ tiền phạt theo quyết định của Tòa án, thực tế là gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền trên 3 tỷ đồng để đảm bảo. Như vậy, nếu bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì sẽ không thu lợi được tài sản cho Nhà nước. Mặt khác, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, khung hình phạt mà điều luật quy định có thể phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền với mức phạt tối đa mà điều luật quy định. Điều này cũng phù hợp với quan điểm chung khi xử lý các vụ án về kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

Đối với bị cáo Lâm Văn P2, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn, hối cải; bản thân bị cáo thuộc thành phần lao động có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; mục đích vận chuyển nhằm nhận được tiền công để nuôi sống bản thân và gia đình. Mặt khác, bị cáo là con rể của bị cáo S trong vụ án nên khi được bị cáo S bảo đi lấy đồ tại các tiệm vàng ở C mang về A thì bị cáo thực hiện, vai trò tham gia trong vụ án thuộc đồng phạm giản đơn không đáng kể, chỉ tham gia vận chuyển ở phạm vi nội địa, nhận vàng từ C vận chuyển đến A, chưa qua biên giới và ngược lại; thực hiện một khâu, một công đoạn là vận chuyển vàng trong nước để đồng phạm vận chuyển ra nước ngoài; trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; quá trình được tại ngoại luôn chấp hành tốt pháp luật và quy định của địa phương; bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án, đồng thời không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt tù dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, đây là cơ hội để bị cáo phấn đấu cải tạo và sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về quan điểm của Luật sư bào chữa: Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận một số quan điểm bào chữa của các vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, các bị cáo tuy thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vàng qua biên giới với số lượng lớn nhưng mục đích là gia công nữ trang và nhận tiền công vận chuyển với số tiền thực tế không đáng kể, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo P1, T3, P2 thuộc diện khó khăn, bị cáo H3 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo P1, T3 và P2. Riêng các bị cáo S và K là người giữ vai trò chính của vụ án nên ngoài áp dụng hình phạt chính cần phạt bổ sung mỗi bị cáo một khoản tiền từ 40 đến 50 triệu đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng: Tại phiên tòa, qua tranh tụng đã xác định được các vật chứng bị thu giữ trong vụ án và yêu cầu của các bị cáo, người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan; theo đề nghị của V4 đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

- Nguyễn Xuân K thuê tiệm V6 của Huỳnh Thị T6 để S làm nơi tập kết phân loại và cất giấu vàng vận chuyển qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia, ngày 25/7/2023, khi S đem vàng về tiệm V6 thì không có T6 ở nhà. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

- Nguyễn Tấn P1 có hành vi xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới Việt Nam - Campuchia để vận chuyển vàng là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, P1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã lập thủ tục đề nghị xử lý hành chính đối với P1 về hành vi này là có căn cứ.

- Nguyễn Bảo D2, Nguyễn Thị Hồng P4 có hành vi chuẩn bị vàng đưa cho Lâm Văn P2 theo yêu cầu của Nguyễn Xuân K, nhưng D2 và P4 không biết P2 vận chuyển trái phép số vàng này sang Campuchia, nên chưa đủ căn cứ xử lý D2 và P4 với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

- Hà Văn S và Nguyễn Hoài T3 khai nhận có vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia cho tiệm V5 của Trần Thị Tường V1 và Lý Kim D1 nhưng không xác định được thời gian, số lượng vàng cụ thể, đồng thời V1 và D1 cũng không thừa nhận việc thuê S vận chuyển vàng trái phép nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

- Các đối tượng tên K3, L1, S3 là người đang cư trú tại Campuchia có hành vi thỏa thuận, thuê S vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia, nhưng không rõ nhân thân lai lịch cụ thể, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với việc các bị cáo Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3, Nguyễn Xuân K, Lý Thị H3, Lâm Văn P2 khai nhận ngoài hành vi phạm tội bị phát hiện vào ngày 25/7/2023, thì từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2023, các bị cáo đã nhiều lần vận chuyển vàng trái phép qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia. Nhưng ngoài lời khai của các bị cáo không còn chứng cứ khác nên không xác định được thời gian và khối lượng vàng cụ thể của từng lần, nên chưa đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự của các lần vi phạm này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân K, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3, Lý Thị H3 và Lâm Văn P2 phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”

1. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/7/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hà Văn S 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/7/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Hà Văn S số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P1 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/7/2023).

4. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T3 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/7/2023).

5. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Phạt bị cáo Lý Thị H3 số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng chẵn) sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lý Thị H3 đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

6. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lâm Văn P2 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm Văn P2 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án

hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- *Tịch thu tiêu hủy*: 17 thùng giấy catton có ghi ký hiệu “484”; 09 thùng giấy catton có ghi ký hiệu “076”; 05 thùng giấy catton không ghi ký hiệu; 197 bọc quay sách màu đen và 02 thùng giấy catton có ký hiệu “484”.

- *Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước*:

+ Một thùng giấy catton màu trắng xanh bên ngoài có ký hiệu 484, bên trong có 03 hộp nhựa và bọc nylon màu vàng được hàn kín bằng keo màu vàng bên trong có chứa nhiều kim loại màu vàng, gồm:

+ Gói 1: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng (nhiều mẫu trang sức có đính đá), tổng khối lượng: 470,30 gam; được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,61%.

+ Gói 2: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng cả bao bì là 290,78 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 23,95%.

+ Gói 3: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 2067,30 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 23,90%.

+ Gói 4: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu có đính đá), có tổng khối lượng 605,14 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 58,96%.

+ Gói 5: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 572,68 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 60,01%

+ Gói 6: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 505,83 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 98,33%.

+ Gói 7: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 776,62 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,52%.

+ Gói 8: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 606,12 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,38%.

+ Gói 9: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 425,85 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 61,57%.

+ Gói 10: 01 (một) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, tổng khối lượng:

1000,01 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,62%.

+ Gói 11: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 2379,05 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,67%.

+ Gói 12: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 1416,04 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,04%.

+ Gói 13: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu, tổng khối lượng: 2238,51 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 59,78%.

+ Gói 14: 03 (ba) thỏi kim loại màu vàng hình chữ nhật, tổng khối lượng: 3000,03 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 99,77%.

+ Gói 15: Nhiều mẫu trang sức bằng kim loại màu vàng – nâu (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 378,01 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng vàng trung bình là 62,17%.

+ 01 xuống gỗ dài 7,46m, rộng nhất 1,05m, hẹp nhất mũi xuống 0,18m, khoang sâu nhất trên xuống 0,365m, phía sau xuống có động cơ máy màu đỏ.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 150, có số IMEI 1: 350085531110747 và số IMEI 2: 350085531610746 thu của bị cáo Nguyễn Tấn P1.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 8800e, có số IMEI: 358645016848483 thu của bị cáo Hà Văn S.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: N1 110 4G, có số IMEI 1: 359097702190169 và số IMEI 2: 359097702690168 thu của bị cáo Nguyễn Xuân K.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13 Pro, có số IMEI 1: 355786372921853 và số IMEI 2: 355786372577473 thu của bị cáo Lý Thị H3.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone Xs Max, có số IMEI 1: 357276090936696 và số IMEI 2: 357276091210042 thu của bị cáo Nguyễn Hoài T3.

+ Một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future neo FI, biển số: 67G1-541.42, số máy: JC45E0003866, số khung: RLHJC35059Y616524 thu của bị cáo Nguyễn Hoài T3.

- Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo: Nguyễn Xuân K 80.000.000 đồng, Lý Thị H3 25.000.000 đồng, Hà Văn S 3.500.000 đồng, Nguyễn Tấn P1 3.500.000 đồng, Nguyễn Hoài T3

3.500.000 đồng và Lâm Văn P2 2.000.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền bị thu giữ và số tiền do các bị cáo, gia đình bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo cho việc thi hành án, cụ thể:

+ Nguyễn Xuân K: 126.145.000 đồng (thu giữ khi khám xét 26.145.000 đồng và tự nguyện giao nộp 100.000.000 đồng).

+ Nguyễn Tấn P1: 7.100.000 đồng (thu giữ khi khám xét 3.600.000 đồng và tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng).

+ Lý Thị H3: 3.100.000.000 đồng do gia đình bị cáo Lý Thị H3 tự nguyện giao nộp.

+ Hà Văn S: 3.500.000 đồng do tự nguyện giao nộp.

+ Nguyễn Hoài T3: 4.500.000 đồng do tự nguyện giao nộp.

+ Lâm Văn P2: 2.000.000 đồng, do tự nguyện giao nộp.

- *Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân K:*

+ Gói 1: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1325,41 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,54%.

+ Gói 2: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1495,48 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 22,96%.

+ Gói 3: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1421,32 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,34%.

+ Gói 4: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1500,49 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 23,63%.

+ Gói 5: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1400,52 gam, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,48%

+ Gói 6: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 953,91 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 24,42%

+ Gói 7: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1116,02 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 23,85%

+ Gói 8: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 554,31 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 24,84%

+ Gói 9: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 58,12 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim

loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 27,31%

+ Gói 10: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 65,05 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 22,59%

+ Gói 11: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 216,55 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 25,78%

+ Gói 12: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 771,81 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 26,89%

+ Gói 13: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 1046,27 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 20,91%

+ Gói 14: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 210,28 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 21,69%

+ Gói 15: Trang sức kim loại màu vàng (vài mẫu trang sức có đính đá), có tổng khối lượng: 473,29 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 24,22%

+ Gói 16: Trang sức kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 712,32 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), hàm lượng trung bình 26,74%

+ Một đầu ghi hình camera không rõ nhãn hiệu, có số sêri: 100/240VNH16GK1850002.

+ Một thiết bị Switches nhãn hiệu HRUI, có số sêri: 056432005050032.

+ Một bộ hồ sơ liên quan hoạt động kinh doanh tiệm V6.

+ Một thùng CPU máy tính nhãn hiệu TNI.

+ Một thùng CPU máy tính nhãn hiệu VSP.

+ Một thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ Một thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ Một đầu ghi hình camera nhãn hiệu MD, model: TSAHR-16590, số sêri: AH16590160100075.

+ Một đầu ghi hình camera nhãn hiệu MD, model: TSAHR-16590, số sêri: TSAHR16590151200012.

+ Một đầu ghi hình camera nhãn hiệu model: TSYDS-36KC, số sêri: 100/240VPH36HF1980004.

- Trả lại bị cáo Lý Thị H3:

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 14 Pro Max, có

số IMEI 1: 351344354483684 và số IMEI 2: 351344356563616.

+ Một máy tính bảng Ipad, hiện trạng thiết bị không mở nguồn được, không kiểm tra được số IMEI.

+ Một thùng CPU máy tính nhãn hiệu DELL.

+ Nhiều cục kim loại màu xám đen, tổng khối lượng: 993,90 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 60,47%.

+ Nhiều cục kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 212,25 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình là 98,22%.

- *Trả lại bị cáo Hà Văn S:*

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc, có số IMEI: 355372084183791, hiện trạng thiết bị không mở nguồn được.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 11 Pro Max, có số IMEI 1: 353889101779758 và số IMEI 2: 353889101770567.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13, có số IMEI 1: 354922764908940 và số IMEI 2: 354922763379259.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 8 Plus màu đỏ, có số IMEI: 352978099004435.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 105, có số IMEI: 354275381318310.

+ Một xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số hiệu LEAD, màu xám, biển số 67G1-801.48, số máy JK12E0215342, số khung RLHJK1218NZ002964, đã qua sử dụng.

- *Trả lại bị cáo Nguyễn Hoài T3:* Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 13 Pro Max, có số IMEI 1: 359984544850375 và số IMEI 2: 359984544841317.

- *Trả lại bị cáo Lâm Văn P2:* Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 11 Pro Max, có số IMEI 1: 353950101141298 và số IMEI 2: 353950101261385.

- *Trả lại bà Huỳnh Thị T6:*

+ Một đầu ghi hình camera nhãn hiệu Dahua, số sêri: 8C0375CPAZ4BF26.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 3310, có số IMEI 1: 357329084294984 và số IMEI 2: 357329086294982.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: Nokia 230, có số IMEI 1: 357322082531135 và số IMEI 2: 357322084531133.

+ 05 quyển tập học sinh; 05 tờ lịch; 05 tờ giấy ghi tiền nợ và hoạt động kinh doanh tiệm V6.

- *Trả lại Trần Lâm V:* Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model:

Iphone 14 Pro, có số IMEI 1: 351942130629254 và số IMEI 2: 351942131027904.

- *Trả lại Nguyễn Hoàng K4*: Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: N1 105 4G, có số IMEI 1: 357332565019680 và số IMEI 2: 357332565519689

(Các loại vật chứng, tiền tự nguyện giao nộp được quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lúc 09 giờ 30 phút ngày 02 tháng 5 năm 2024; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lúc 10 giờ 30 phút ngày 02 tháng 5 năm 2024; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh A với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Biên lai thu tiền số 0000615 ngày 20/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Xuân K, Lý Thị H3, Hà Văn S, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Hoài T3, Lâm Văn P2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Trại Tam giam Công an tỉnh An Giang;
- UBND thị trấn xã Khánh An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thuận Lợi